TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HS-ST
Ngày 28 -11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚCYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Lê Thúc G và bà Phan Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2024/TLST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn G, sinh năm 1994; nơi sinh: Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, phường P, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn A và bà Ngô Thị M; có vợ là Nguyễn Thị T; con; có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/HSST ngày 27.6.2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1 Điều 46, Điều 47, khoản 1,2 Điều 60, Điều 69, Điều 74 BLHS1999 xử phạt G 1 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, buộc bồi thường 6.000.000đ, ngày phạm tội 14.10.2012. Tại thời điểm phạm tội G 17 tuổi 10 tháng 27 ngày. Đã chấp hành xong án phí tháng 8.2013, chưa chấp hành phần bồi thường.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, "có mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989, "vắng mặt"

Địa chỉ: Tổ 10, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1995, "vắng mặt"

Địa chỉ: TDP Đ, phường P, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 28/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại quán cafe Một Thời thuộc TDP X, phường P, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có một nhóm người đang diễn ra hoạt động Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên tiến hành tổ chức kiểm tra, xác minh thông tin. Đến hồi 09 giờ 00 phút cùng ngày, tại quán cafe Một Thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên phát hiện Nguyễn Văn G, sinh năm 1994, trú tại TDP X, phường P, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đang có hành vi nhận số tiền lãi là 3.000.000đ của chị Đặng Thị T, sinh năm 1989, trú tại phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên tiến hành lập biên bản và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn G khai nhận bản thân đã cho 02 người vay lãi nặng để thu lời bất chính với cách thức như sau: G cho một số người vay tiền theo hình thức vay tín chấp, với mức lãi suất 4.000đ/1.000.00đ/1 ngày = 146%/năm, gấp 5 lần quy định của Bộ luật dân sự.

Nguyễn Văn G cho vay tiền và thu lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản số tài khoản ngân hàng TMCP Q của G số tài khoản 8686228699999 và 0020181219999 đều mang tên Nguyễn Văn G, cụ thể như sau:

1. Đối với chị Đặng Thị T, sinh năm 1989, trú tại phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngày 06/8/2019, G có cho chị T vay số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 146%/năm, nghĩa là mỗi tháng chị T phải trả cho G số tiền lãi là 1.200.000đ. Khi vay, G yêu cầu chị T viết 01 Giấy vay tiền kiêm nhận nợ theo mẫu đã chuẩn bị sẵn, có chữ kỹ, họ tên của chị T và yêu cầu để lại 01 Chứng minh thư của chị T để làm tin, sau đó G đã cho chị T mượn lại. Sau khi chị T viết thông tin vào Giấy vay tiền kiêm nhận nợ trên thì G đã đưa cho chị T trực tiếp bằng tiền mặt số tiền là 10.000.000đ. Sau đó, hàng tháng thì chị T đều đã trả tiền lãi đầy đủ cho G bằng hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thông qua chuyển khoản ngân hàng đến 02 tài khoản ngân hàng TMCP Q của G số tài khoản 8686228699999 và 0020181219999 đều mang tên Nguyễn Văn G hai bên thỏa

thuận trả tiền lãi trong tháng (chị T có thể trả tiền lãi bất kỳ ngày nào trong tháng, từ ngày mùng 1 đến ngày 30 hàng tháng).

- Tiền lãi chị T đã trả cho G từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 12 năm 2023, cụ thể:

- Năm 2019, chị T đã trả cho G tiền lãi của 04 tháng (120 ngày) với tổng số tiền là 4.800.000đ.

- Năm 2020, chị T đã trả cho G tiền lãi của 12 tháng (360 ngày) với tổng số tiền là 14.400.000đ.

- Năm 2021, chị T đã trả cho G tiền lãi của 12 tháng (360 ngày) với tổng số tiền là 14.400.000đ.

- Năm 2022, chị T đã trả cho G tiền lãi của 12 tháng (360 ngày) với tổng số tiền là 14.400.000đ.

- Năm 2023, chị T đã trả cho G tiền lãi của 10 tháng (gồm tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9,12/2023=300 ngày) với tổng số tiền là 11.800.000đ; chị T vẫn còn nợ G tiền lãi của tháng 10/2023, 11/2023 và 200.000đ tiền lãi của tháng 12/2023 với tổng số tiền là 2.600.000đ.

Năm 2024, chị T chỉ trả lãi cho G được 5 tháng tiền lãi gồm tháng1, 2,3,4,5/2023=150 ngày) và 200.000đ tiền lãi nợ tháng 12/2023 với tổng số tiền 6.200.000đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi chị T trả cho G đến ngày 28.5.2024 (ngày phát hiện): 66.000.000đ trên tổng số 55 tháng= 1.650 ngày.

Tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là: (10.000.000đ x 20%)/365 x 1.650 ngày = 9.041.095đ.

Tiền lãi thu lợi bất chính: 66.000.000đ–9.041.095đ = 56.958.905đ.

Tiền lãi chị T chưa trả cho G tháng 10,11/2023 và từ ngày 10.5.2024 đến ngày 28.5.2024 (ngày bị phát hiện, xử lý) = 78 ngày x 40.000đ/ngày = 3.120.000đ, trong đó:

Tiền lãi được thu tối đa (chưa trả) = (10.000.000đ x 20%)/365 x 78 ngày = 427.397đ.

Tiền lãi thu lợi bất chính (chưa trả) = 3.120.000đ – 427.397đ = 2.692.603đ. Chưa trả tiền gốc = 10.000.000đ.

Như vậy tổng số tiền lãi chị T đã trả và phải trả là: 66.000.000 đ + 3.120.000đ = 69.120.000đ. Tổng số tiền lãi G được thu tối đa: 9.041.095đ + 427.397đ= 9.468.492đ.

Tổng số tiền lãi G thu lời bất chính: 69.120.000đ – 9.468.492đ = 59.651.508đ.

Ngày 20/11/2024 chị Đặng Thị T đã trả cho G số tiền gốc vay là 10.000.000đ và Nguyễn Văn G đã trả lại cho chị T số tiền lãi thu vượt quy định là 59.651.508đ.

2. Đối với Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1995, trú tại TDP Đ, phường P, thành phố Phúc Yên.

Khoảng cuối tháng 4/2021, G có cho anh Đ vay số tiền 5.000.000đ, với lãi suất thỏa thuận là 4.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 146%/năm, nghĩa là mỗi tháng anh Đ phải trả cho G số tiền là 600.000đ. Do quen biết với nhau nên anh Đ và G không viết giấy vay tiền, anh Đ cũng không phải để lại giấy tờ, tài sản gì để làm tin. Anh Đ trả tiền lãi cho G đầy đủ hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng và trả trực tiếp bằng tiền mặt, cụ thể như sau:

Tiền lãi anh Đ đã trả cho G = 11 tháng (gồm các tháng: 5,6,7,8,9,10,11,12/2021; tháng 1,2,3/2022= 330 ngày) =6.600.000đ, trong đó: Tiền lãi được thu tối đa (đã trả): (5.000.000đ x 20%)/365 x 330 ngày = 904.109đ. Tiền lãi thu lời bất chính (đã trả): 6.600.000đ – 904.109đ = 5.695.891đ. Tháng 3/2022 Đ đã trả G 5.000.000đ tiền gốc.

Như vậy: Tiền lãi được thu tối đã theo quy định: 904.109đ. Tiền lãi thu lời bất chính: 5.695.891đ. Ngày 20/11/2024 Nguyễn Văn G đã trả lại cho anh Đ số tiền lãi thu vượt quy định là 5.695.891đ.

Tổng hợp vụ án: Tổng số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn G đã cho 02 người vay = 15.000.000đ;

Tiền lãi được thu cao nhất theo quy định (20%/năm theo điều 468 BLDS) là: 9.468.492đ+904.109đ = 10.372.601đ.

Tiền thu lời bất chính (tiền lãi thu vượt quá 20%/năm quy định tại điều 468 BLDS) = 59.651.508+ 5.695.891đ= 65.347.399đ (trong đó: tiền thu lời bất chính đã thu =56.958.905đ. + 5.695.891đ= 62.654.796đ; tiền thu lời bất chính chưa thu của người vay = 2.692.903).

Thu giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

Thu giữ của Nguyễn Văn G gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357216090281255; IMEI 2: 357216090271629, bên trong lắp sim số 0962.828.292.

- 01 Giấy vay tiền mang tên người vay là Đặng Thị T.

- Tiền việt nam đồng: 3.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKSPY ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội danh như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo Nguyễn Văn G từ 20 tháng đến 22 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo G cho Ủy ban nhân dân phường P,

thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung Nguyễn Văn G từ 30 triệu đến 40 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với Nguyễn Văn G. Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Văn G: Tiền lãi được thu tối đa (đã thu): 9.945.204đ; Tiền gốc người vay đã trả: 15.000.000đ. Trả lại cho G số tiền 3.000.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu sung quỹ Nhà nước tiền lãi được thu tối đa (chưa trả) đối với T = 427.397đ sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như sau:

Từ đầu tháng 8/2019 đến ngày 28.5.2024, Nguyễn Văn G có hành vi cho 02 người vay lãi nặng là Đặng Thị T và Nguyễn Mạnh Đ trái với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự với tổng số tiền gốc cho vay là 15.000.000đồng, thu lời bất chính 65.347.399đồng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 201 Bộ luật Hình sự qui định: "*1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm*".

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn G chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nhưng là người có nhân thân xấu, năm 2013 đã bị kết án 01 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 năm về tội Cố ý gây thương tích, khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 20 ngày.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo,ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ tiền lãi thu vượt quá quy định cho người vay nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo tạo điều kiện để giáo dục, răn đe bị cáo trở thành một công dân có ích cho gia đình, xã hội. Bị cáo hiện không có nghề nghiệp và công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo.

[4] Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử sẽ áo dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357216090281255; IMEI 2: 357216090271629, bên trong lắp sim số 0962.828.292. Quá trình điều tra, xác định chiếc điện thoại di động này là của G sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 3.000.000đồng là số tiền lãi ngày 28.5.2024 T đem đến để trả cho G tiền lãi. G cầm tiền thì bị phát hiện. Nay G đã hoàn trả số tiền lãi thu vượt quá quy định cho chị T nên hoàn trả cho G nhưng cần tạm giữ đảm bảo thi hành.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Văn G: Tiền lãi được thu tối đa (đã thu): 9.041.095đ+904.109đ = 9.945.204đ; Tiền gốc người vay đã trả: 15.000.000đồng.

- Đối với số tiền thu lời bất chính (tiền lãi thu vượt quy định) mà bị cáo G đã nhận của những người vay, ngày 20/11/2024 G đã trả tiền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay), cụ thể: Trả cho chị T= 59.651.508đồng; anh Đ = 5.695.891đồng. Nên không xem xét giải quyết.

Truy thu sung quỹ Nhà nước tiền lãi được thu tối đa (chưa trả) đối với T = 427.397đồng sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn G 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn G 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn G cho UBND phường P, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn G có trách nhiệm phối hợp với UBND phường P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, bán phát mại sung ngân sách nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn G.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Văn G: Tiền lãi được thu tối đa (đã thu): 9.041.095đồng + 904.109đồng = 9.945.204đồng; Tiền gốc người vay đã trả: 15.000.000đồng.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước tiền lãi được thu tối đa (chưa trả) đối với T = 427.397đ sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả Nguyễn Văn G số tiền 3.000.000đồng là số tiền lãi ngày 28.5.2024 T đem đến để trả cho G tiền lãi. G cầm tiền thì bị phát hiện nhưng cần tạm giữ đảm bảo thi hành.

Các vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 16 ngày 21 tháng 11 năm 2024 lập tại Chi cục Thi hànhán dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn G phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo ản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Viện KSNDTP.Phúc Yên;
- CQĐT - Công an TP.Phúc Yên;
- Chi cục THADS TP Phúc Yên;
- Sở Tư pháp T.Vĩnh Phúc;
- UBND phường P
- Bị cáo G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bích